**TUẦN: 21**

 **BÀI 32:**

**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**

**(tiếp theo)**

**BÀI HỌC:**

**IV. Tình hình phát triển kinh tế:**

**1. Công nghiệp**

- Trước 1975: CN phụ thuộc nước ngoài

- Ngày nay: CN Phát triển nhanh.

- Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP

- Cơ cấu đa dạng, cân đối gồm: CN nặng, CN nhẹ, CN chế biến LTTP

- Phân bố: Tp.HCM, Biên Hòa, Vũng Tàu, TDM

- Khó khăn

+ CSHT chưa đáp ứng yêu cầu

+ Môi trường bị ô nhiễm

**2. Nông nghiệp**

- Là vùng sản xuất cây công nghiệp quan trọng của cả nước: Cao su, cà phê, hồ tiêu, điều (B32.2)

- Cây CN hàng năm: lạc mía, đậu tương, thuốc lá.

- Cây ăn quả; Sầu riêng, Chôm chôm…

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng công nghiệp.

- Nuôi truồng và đánh bắt thủy sản mang lại nguồn lợi lớn.

- Khó khăn: Mùa khô thiếu nước, diện tích rừng thấp.

**Dặn dò:**

* + Đọc lại nội dung bài ở SGK
	+ Học nội dung được ghi vào tập
	+ Làm bài tập 3 SGK Trang 120 vào giấy nộp lại ở tiết sau.
	+ Xem trước bài 33 SGK: tư liệu và tranh ảnh liên quan

**CÂU HỎI:**

* + Tình hình sản xuất CN ở Đông Nam bộ thay đởi NTN từ sau khi đất nước thống nhất?
	+ Làm BT 3 trang 120 vào giấy nộp lại cho gvbm khi đi học lại

**TUẦN : 22**

**Bài 33: VÙNG ĐÔNG NAM BỘ (TT)**

**BÀI HỌC:**

1. **Dịch Vụ:**

- Cơ cấu đa dạng, gồm các họat động thương mại, du lịch, xuất nhập khẩu, vận tải và bưu chính viễn thông, chiếm tỉ trọng lớn so với cả nước góp phần thúc đẩy kinh tế của vùng phát triển mạnh mẽ.

+ Là vùng thu hút vốn đầu tư nước ngòai nhiều nhất trong cả nước, chiếm 50,1% của cả nước.

+ Thành Phố Hồ Chí Minh là trung tâm du lịch lớn nhất của cả nước.

**IV. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọn g điểm phía Nam**

* + Thành Phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu là 3 trung tâm kinh tế lớn của Đông nam Bộ. 3 trung tâm này tạo thành tam giác công nghiệp mạnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
	+ Có vai trò quan trọng không chỉ đối với Đông Nam Bộ mà còn đối với các tỉnh phía Nam và cả nước

**DẶN DÒ**

* + Học bài.
	+ Chuẩn bị bài 34 “Thực hành”.

 **CÂU HỎI:**

* + Làm bài tập 3 trang 123 vài giấy đôi cùng với bài 3/120 nộp lại cho gvbm khi đi học lại

**Tuần 23:**

**Bài 34: THỰC HÀNH: PHÂN TÍCH MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM Ở ĐÔNG NAM BỘ**

Theo nội dung giảm tải của Bộ GD – ĐT trong thời gian tránh dịch, học sinh tự học theo câu hỏi gợi ý trong SGK

**Tuần 24:**

**BÀI 35: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ GIỚI HẠN LÃNH THỔ:**

- Vị trí liền kề phía Tây của Đông Nam Bộ.

- Phía bắc giáp Cam-pu-chia.

- Phía Tây nam là vịnh Thái Lan.

- Phía Đông nam là Biển Đông.

- Diện tích: 39 734km2

=> Ý nghĩa: Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế trên đất liền và biển và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Công.

**II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN:**

- Địa hình: rộng, thấp, bằng phẳng.

- Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm quanh năm.

- Có nhiều loại đất, diện tích 4 triệu ha, đất phù sa ngọt chiếm diện tích lớn.

- Sinh học đa dạng.

- Hệ thống sông Mê Công ( Cửu Long) và kênh rạch chằng chịt.

- Biển ấm, ngư trường rộng, nhiều đảo và quần đảo.

- Diện tích rừng ngập mặn lớn.

- Khoáng sản: Than bùn, đá vôi.

=> Thuận lợi: Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện tự nhiên thuận lợi để

phát triển kinh tế sản xuất nông nghiệp. Khai thác và nuôi trồng thủy sản. Phát triển du lịch sinh thái…

* KHÓ KHĂN:
* Có lũ hàng năm.
* Vào mùa khô gây thiếu nước, đất bị nhiễm mặn.

**III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI:**

* Dân số (16,7 triệu người năm 2002)
* Là vùng đông dân, đứng sau đồng bằng sông Hồng.
* Thành phần dân tộc ngoài người Kinh còn có người Khơ-me, người Chăm, người Hoa.
* Mật độ 406 người/km2 năm 2002.
* Trình độ dân trí thấp. Người dân thích ứng linh hoạt với sản xuất hàng hóa.

CÂU HỎI:

* Nêu thế mạnh về một số tài nguyên thiên nhiên để phát triển KT – XH ở ĐB. S. Cửu Long.
* Ý nghĩa việc cải tạo đất phèn, mặn ở ĐB. S. Cửu Long.
* Nêu 1 số khó khăn chính của ĐB. S. Cửu Long và nêu biện pháp khắc phục?